

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH E**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/DS - ST
Ngày: 08 - 8 - 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH E**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung là Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh E tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2019/TLST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXX- ST ngày 11 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-DS ngày 30/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ 2, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn F, sinh năm 1960 và bà Đặng Thị G, sinh năm 1959, cùng nơi cư trú: Tổ 3, ấp Q, xã W, huyện Tân Châu, tỉnh E.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Dương Vũ, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tổ 2, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

Bà A có mặt, ông F, bà G và anh Vũ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị A trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 02/11/2018 (Al), nhằm ngày 08/12/2018 bà có cho vợ chồng bà Đặng Thị G, ông Nguyễn Văn F vay số tiền 350.000.000 đồng

để làm vốn kinh doanh (trồng cây ăn trái). Bà G, ông F là người trực tiếp vay, nhận số tiền vay từ bà và cùng viết, ký tên vào giấy biên nhận tiền vay ngày 02/11/2018 (AI). Trong giấy vay các bên không có thể hiện thời gian vay và lãi suất vay nhưng trên thực tế các bên thỏa thuận bằng lời nói thời gian vay là 01 tháng kể từ ngày 02/11/2018 (AI), lãi suất vay là 03%/tháng. Tuy nhiên kể từ ngày vay cho đến nay vợ chồng bà G, ông F vẫn chưa trả cho bà số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi nên nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà G, ông F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà số tiền vay gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 350.000.000 đồng tính từ ngày 02/11/2018 (AI), nhằm ngày 08/12/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện với lãi suất vay trong hạn và lãi suất vay quá hạn là 0,83%/tháng.

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là giấy biên nhận tiền vay ngày 02/11/2018 (AI) có nội dung xác nhận nợ và chữ ký, họ tên xác nhận của bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - bà Đặng Thị G trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của bà Nguyễn Thị A về yêu cầu khởi kiện của bà A đối với vợ chồng bà. Bà thừa nhận chữ ký họ tên trong giấy biên nhận nợ ngày 02/11/2018 (AI), nhằm ngày 08/12/2018 do bà A cung cấp là của vợ chồng bà và do vợ chồng bà tự nguyện ký tên xác nhận có nợ bà A số tiền 350.000.000 đồng. Trong giấy vay tiền không thể hiện thời gian vay và lãi suất vay, tuy nhiên các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 4%/tháng, thời gian trả là không thể hiện, chỉ thỏa thuận đóng tiền lãi hàng tháng. Kể từ ngày xác nhận nợ cho đến nay vợ chồng bà vẫn chưa trả cho bà A được số tiền vay gốc và tiền lãi. Vào ngày 29/3/2019 bà A có đến nhà yêu cầu vợ chồng bà trả tiền 350.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà vẫn chưa trả được. Nay bà xác định bà cùng chồng là ông Nguyễn Văn F đồng ý hoàn trả cho bà A số tiền vay còn nợ 350.0000.000 đồng và không đồng ý hoàn trả số tiền lãi do điều kiện kinh tế của vợ chồng bà hiện nay rất khó khăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – ông Nguyễn Văn F trình bày:

Ông thống nhất với toàn bộ trình bày của vợ ông là bà Đặng Thị G đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Ông thừa nhận nội dung giấy nhận nợ ngày 02/11/2018 (AI) do bà A cung cấp là do ông viết và ký tên xác nhận nợ. Nay ông đồng ý cùng vợ là bà G hoàn trả cho bà A 350.000.000 đồng và không đồng ý trả tiền lãi do điều kiện hiện nay của vợ chồng ông bà rất khó khăn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Võ Dương Vũ trình bày:

Anh là con ruột của bà Nguyễn Thị A, anh có biết chuyện bà A cho bà G và ông F vay tiền tuy nhiên anh xác định số tiền 350.000.000 đồng bà A cho bà G, ông F vay là của bà A. Bà G và ông F không có nợ anh bất kỳ số tiền nào.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Do ông Nguyễn Văn F, anh Võ Dương Vũ là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bà Đặng Thị G đã được tòa án triệu tập đến tham dự phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn F, bà Đặng Thị G và anh Võ Dương Vũ.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F: Buộc bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A 350.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do ông Nguyễn Văn F, anh Võ Dương Vũ là bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; bà Đặng Thị G đã được tòa án triệu tập đến tham dự phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn F, bà Đặng Thị G và anh Võ Dương Vũ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F hoàn trả số tiền nợ vay 350.000.000 đồng thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà A cung cấp chứng cứ là giấy biên nhận nợ có nội dung ông F, bà G vay 350.000.000 đồng vào ngày 02/11/2018 (AI), bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F cũng thừa nhận có vay và còn nợ bà A 350.000.000 đồng và đồng ý hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền 350.000.000 đồng. Ý kiến này do bà

G, ông F tự nguyện và phù hợp với chứng cứ do bà A cung cấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Bà G và ông F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A 350.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A yêu cầu bà G, ông F hoàn trả số tiền lãi của số tiền 350.000.000 đồng với lãi suất trong hạn và quá hạn 0,83%/tháng tính từ ngày 02/11/2018 (A1) nhằm ngày 08/12/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện với lãi suất 0.83%/tháng thì thấy rằng:

+ Do trong giấy vay không thể hiện lãi suất vay tiền, các bên không thống nhất lãi suất vay nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định mức lãi suất áp dụng khi giải quyết vụ án là 10%/năm (0,83%/tháng). Do yêu cầu khởi kiện của bà A được chấp nhận, các bên có thỏa thuận lãi suất vay, bà G ông F chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay gốc và tiền lãi; việc bà A chỉ yêu cầu áp dụng mức lãi suất là 0.83%/tháng đối với lãi suất trong hạn và quá hạn, ý kiến này do bà A tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên có đủ căn cứ buộc bà G và ông F có nghĩa vụ hoàn trả số tiền lãi của số tiền 350.000.000 đồng cho bà A với số tiền lãi tính từ ngày 08/12/2018 đến ngày 08/8/2019 là $350.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 23.240.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền vay gốc và tiền lãi bà G và ông F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà A là 373.240.000 đồng. Đồng thời kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn F và bà Đặng Thị G còn phải trả cho bà Nguyễn Thị A khoản tiền lãi của số tiền 373.240.000 đồng phải thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đặng Thị G, ông Nguyễn Văn F phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 12, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị A đối với bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F:

Buộc bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị A số tiền gốc và lãi là 373.240.000 (ba trăm bảy mươi ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng. Đồng thời kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn F và bà Đặng Thị G còn phải trả cho bà Nguyễn Thị A khoản tiền lãi của số tiền 373.240.000 đồng phải thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Bà Đặng Thị G và ông Nguyễn Văn F phải chịu 18.662.000 (mười tám triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người phải chịu 9.331.000 (chín triệu ba trăm ba mươi một nghìn) đồng. Do bà Đặng Thị G là người cao tuổi nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đặng Thị G được miễn nộp 9.331.000 (chín triệu ba trăm ba mươi một nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà A 9.250.000 (chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số **0015352** ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh E.

3/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4/ Báo cho bà Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn F, bà Đặng Thị G, anh Võ Dương Vũ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh E;
- VKSND tỉnh E;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang